

## NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

## BÁO CÁO CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ THỰC TẾ NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính)

	Chỉ tiêu	Số thực tế năm trước	Số thực tế năm báo cáo
<b>I</b>	<b>Số cấp bù năm trước chuyển sang</b>		
<b>II</b>	<b>Số cấp bù chênh lệch lãi suất</b>		
1.	Dư nợ cho vay bình quân		
	- Số dư đầu năm		
	- Số dư cuối năm		
2.	Số dư bình quân các nguồn vốn		
	- Số dư đầu năm		
	- Số dư cuối năm		
3.	Tổng số lãi phải thu cho vay		
4.	Tổng số lãi phải trả các nguồn vốn		
5.	Lãi suất bình quân cho vay		
6.	Lãi suất bình quân các nguồn vốn		
7.	Chênh lệch lãi suất đề nghị cấp bù		
<b>III</b>	<b>Số phí quản lý được hưởng</b>		
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý thực tế</b>		
1.	Chi trả phí uỷ thác cho vay		
2.	Chi hoa hồng tổ nhóm		
3.	Chi nộp thuế, phí, lệ phí		
4.	Chi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, chênh lệch tỷ giá		
5.	Chi cho cán bộ, viên chức		
6.	Chi về tài sản của NHCSXH		
7.	Chi hoạt động quản lý và công vụ		
8.	Chi khác		
<b>V</b>	<b>Tổng số chênh lệch lãi suất và phí quản lý đề nghị cấp bù (II + III)</b>		
<b>VI</b>	<b>Số đã tạm cấp trong năm (không bao gồm số năm trước chuyển sang)</b>		
<b>VII</b>	<b>Số còn được cấp bù</b>		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
(Ký tên, đóng dấu)

## NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

**BÁO CÁO TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG,  
CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Dự phòng rủi ro tín dụng	Chênh lệch tỷ giá
1.	Số dư năm trước chuyển sang		
2.	Số trích lập trong năm		
3.	Số đã sử dụng trong năm		
	- Xoá nợ		
	- Khác		
4.	Số dư cuối năm		

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

*(Ký tên, đóng dấu)*

## NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

## TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch
<b>I. Tổng số cán bộ, CNV</b>			
<b>II. Thu nhập của cán bộ</b>			
1. Tổng quỹ lương			
2. Tiền thưởng			
3. Tổng thu nhập (1+2)			
4. Tiền lương bình quân			
5. Thu nhập bình quân			

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

*(Ký tên, đóng dấu)*

## NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

## TÌNH HÌNH NỢ QUÁ HẠN QUÝ, 6 THÁNG, NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Tổng dư nợ</b>		
<b>II. Các khoản nợ cho vay quá hạn</b>		
1. Nợ quá hạn dưới 180 ngày		
2. Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày		
3. Nợ khó đòi		
<b>III. Số nợ quá hạn có tài sản đảm bảo</b>		
<b>IV. Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ ( lấy 2 chữ số sau dấu phẩy )</b>		

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

<b>V. Chi về tài sản</b>				
1. Khấu hao TSCĐ				
2. Bảo dưỡng sửa chữa tài sản				
3. Công cụ lao động				
4. Chi bảo hiểm tài sản				
5. Chi thuê tài sản				
<b>VI. Chi cho nhân viên</b>				
1. Chi lương và phụ cấp lương				
2. Chi khác về lương				
3. Chi thù lao cho cán bộ xã phường				
4. Chi thù lao HĐQT, phụ cấp ban đại diện HĐQT, Ban kiểm soát				
5. Chi trang phục giao dịch và BHLĐ				
6. Chi trợ cấp thôi việc				
<b>VII. Chi nộp thuế và các khoản lệ phí</b>				
1. Chi nộp thuế				
2. Chi nộp lệ phí				
<b>VIII. Chi hoạt động quản lý, công vụ</b>				
1. Chi vật liệu giấy tờ in				
2. Chi công tác phí				
3. Chi đào tạo huấn luyện nghiệp vụ				
4. Chi NCKH, sáng kiến				
5. Chi bưu phí và điện thoại				
6. Chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền				
7. Chi mua tài liệu, sách báo.				
8. Chi cho các hoạt động đoàn thể				
9. Các khoản chi lễ tân, khánh tiết, hội nghị				
10. Chi khác				
<b>IX. Chi chênh lệch tỷ giá và trích lập dự phòng</b>				
1. Chi chênh lệch tỷ giá hối đoái				
2. Chi lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng				
<b>X. Chi phí khác</b>				
<b>C. CHÊNH LỆCH THU CHI</b>				

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

## BÁO CÁO THU NHẬP, CHI PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		PS nợ	PS có	
<b>A. THU NHẬP</b>				
<b>I. Thu về hoạt động tín dụng</b>				
1. Thu lãi cho vay				
2. Thu khác về hoạt động tín dụng				
<b>II. Thu dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</b>				
1. Thu lãi tiền gửi				
2. Thu từ dịch vụ thanh toán				
3. Thu từ dịch vụ ngân quỹ				
<b>III. Thu từ các hoạt động khác</b>				
1. Thu từ tham gia thị trường tiền tệ				
2. Thu từ nghiệp vụ nhận ủy thác đại lý				
3. Thu từ các dịch vụ khác				
<b>IV. Thu cấp bù chênh lệch và phí do NS cấp</b>				
<b>B. CHI PHÍ</b>				
<b>I. Chi về huy động vốn</b>				
1. Chi trả lãi tiền gửi				
2. Chi trả lãi tiền vay				
3. Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá				
4. Chi phí khác				
<b>II. Chi dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</b>				
1. Chi về dịch vụ thanh toán				
2. Cước phí bưu điện mạng viễn thông				
3. Chi về ngân quỹ				
4. Các khoản chi dịch vụ khác				
<b>III. Chi hoạt động khác</b>				
1. Chi về tham gia thị trường tiền tệ				
2. Chi về các dịch vụ khác				
<b>IV. Chi trả phí dịch vụ ủy thác, hoa hồng cho tổ chức, cá nhân</b>				



## NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

**KẾ HOẠCH CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ NĂM....**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Ước thực hiện kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm báo cáo
<b>I</b>	<b>Kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất</b>		
1.	Dư nợ cho vay bình quân		
	- Số dư đầu năm		
	- Số dư cuối năm		
2.	Số dư bình quân các nguồn vốn		
	- Số dư đầu năm		
	- Số dư cuối năm		
3.	Tổng số lãi phải thu cho vay		
4.	Tổng số lãi phải trả các nguồn vốn		
5.	Lãi suất bình quân cho vay		
6.	Lãi suất bình quân các nguồn vốn		
7.	Chênh lệch lãi suất đề nghị cấp bù		
<b>II</b>	<b>Số phí quản lý được hưởng</b>		
<b>III</b>	<b>Kế hoạch chi tiêu</b>		
1.	Chi trả phí uỷ thác cho vay		
2.	Chi hoa hồng tổ nhóm		
3.	Chi nộp thuế, phí, lệ phí		
4.	Chi trích lập dự phòng rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng		
5.	Chi cho cán bộ, viên chức, người lao động		
6.	Chi về tài sản của NHCSXH		
7.	Chi hoạt động quản lý và công vụ		
8.	Chi khác		
<b>IV</b>	<b>Tổng số chênh lệch lãi suất và phí quản lý đề nghị cấp bù (I + II)</b>		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)